

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/5/2018
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy
Bà Phạm Thị Chuộng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 458/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2018 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKH: Đội 2, thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú hiện tại: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2/. *Bị đơn*: Anh Tô Xuân Tr, sinh năm 1977.

ĐKKH và trú tại: Đội 2, thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

3/. *Người làm chứng*:

- Ông Tô Xuân B, sinh năm 1950. (*Vắng mặt*)

Trú tại: thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1955. (*Có mặt*)

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Tô Xuân Tr kết hôn vào ngày 11/9/2000 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm khi chị đi lao động tại Đài Loan. Đến năm 2012 chị về nước, chị và anh Tr chuyển lên Hà Nội làm ăn thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng hơn, anh Tr không chịu làm ăn mà chỉ mải chơi bời, rượu chè, cờ bạc, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Chị cố gắng khuyên ngăn, song bất đồng về quan điểm càng nhiều hơn, dẫn đến vợ chồng không còn chung chí hướng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Từ đầu năm 2017 cho đến nay, chị và anh Tr sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về nuôi con chung: Chị N xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Tô Tiến L, sinh ngày 24/12/2001, hiện cháu L đang ở với chị N. Khi ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là anh Tô Xuân Tr: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, tiến hành lấy lời khai của anh Tr về các vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị N, tuy nhiên anh Tr từ chối khai báo, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

- Người làm chứng ông Tô Xuân B (bố đẻ anh Tr) khai: Anh Tr và chị N kết hôn với nhau vào tháng 9/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Tr, chị N sống chung cùng với gia đình ông tại th thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương; đến năm 2003 chị N đi lao động tại Đài Loan, sau khi về nước chị N tiếp tục muốn đi lao động tại Đài Loan lần 2, anh Tr không đồng ý song chị N vẫn tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Đến năm 2012 chị N về nước, khi về nước chị N chỉ ở gia đình ông một thời gian rồi bỏ đi và không quay lại gia đình ông nữa. Từ đó đến nay, vợ chồng anh Tr, chị N sống ly thân mỗi người một nơi. Khi chị N xin ly hôn với anh Tr, ông và gia đình ông có biết và có nhận được giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, tuy nhiên đây là việc riêng tư của vợ chồng anh Tr, chị N nên ông từ chối ký vào biên bản lấy lời khai đã trình bày, từ chối nhận thay các văn bản của Tòa án để giao lại cho anh Tr. Anh Tr, chị N có một con chung là cháu Tô Tiến L, sinh ngày 24/12/2001, hiện cháu L đang ở cùng với mẹ cháu là chị N.

- Bà Nguyễn Thị S (mẹ đẻ chị N) khai: Chị N và anh Tô Xuân Tr kết hôn vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống khi chị N đi lao động tại Đài Loan. Năm 2012 khi chị N về nước, anh Tr lại không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình mà chỉ mải chơi bời, rượu chè, cờ bạc, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2016 chị N đã phải về gia đình bà tại thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương sinh sống; từ đó vợ chồng anh Tr, chị N sống ly thân. Anh Tr, chị N có một con chung cháu Tô Tiến L, sinh ngày 24/12/2001, hiện cháu L đang ở cùng với mẹ cháu là chị N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Tr và yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

- Bị đơn là anh Tô Xuân Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành và không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Tô Xuân Tr. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tô Tiến L - sinh ngày 24/12/2001 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Tô Xuân Tr hiện đang cư trú, sinh sống tại thôn D, xã P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải

Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 06/4/2018, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho anh Tr, tuy nhiên bị đơn là anh Tô Xuân Tr vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đối với anh Tô Xuân Tr. Tại phiên tòa hôm nay, anh Tr mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Tô Xuân Tr đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/9/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Tô Xuân Tr là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh Tr chung sống hòa thuận được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh Tr để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh Tr đều vắng mặt không có lý do; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật của anh Tr mà còn thể hiện sự không tôn trọng quan điểm của chị N, không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Thực tế thì vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017, không còn quan hệ tình cảm; nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, anh Tr cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Tr. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Tr là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế giữa hai vợ chồng và đảm bảo đúng quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng anh Tr, chị N có 01 con chung cháu Tô Tiến L, sinh ngày 24/12/2001. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị tự nguyện không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Xét yêu cầu này thì thấy: Hiện tại cháu L đang ở cùng

với chị N; chị N có công việc và thu nhập ổn định và được gia đình mẹ đẻ tạo điều kiện trong về chỗ ở nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; cháu L có nguyện vọng ở cùng với chị N. Mặt khác, trong vụ án này bị đơn là anh Tr không đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cũng như nguyện vọng về vấn đề nuôi dưỡng con chung; không cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ để chứng minh những điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cần giao con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Tô Xuân Tr.

+ *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Tô Tiến L, sinh ngày 24/12/2001 kể từ tháng 5/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Tô Xuân Tr phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2016/0001396 ngày 21/12/2017. Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Nơi nhận:

- + VKSND huyện Kinh Môn.
- + Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
- + UBND xã P, Kinh Môn.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa